TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SA THẦY** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2024
V/v: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Trường Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Khanh và bà Trần Thị Minh T.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sa Thầy.

Trong ngày 04-4-2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ, về việc: "*Ly hôn"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19-3-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thơ T, sinh năm …….; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

2. Bị đơn: Đinh Q, sinh năm …..; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn – chị Thơ T trình bày:

Chị và anh Đinh Q tự nguyện kết hôn vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Hiao, huyện Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc và đã có 02 người con, nhưng kể từ năm 2009, giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng trong suy nghĩ, lối sống. Do mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên từ cuối năm 2009 đến nay, chị và anh Q không còn sống chung với nhau. Trong thời gian qua, hai vợ chồng đã nhiều lần liên lạc, tìm cách giải quyết bất đồng để quay lại sống chung, nhưng không mang lại kết quả. Đến nay, chị thấy vợ chồng đã hết tình cảm, không thể tiếp tục chung sống, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị T có 02 con chung tên: Đinh C1, sinh ngày …. và Đinh C2, sinh ngày ……. Chị T đề nghị giao cháu Đinh C2 cho anh Qtrực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Đinh C1 đã trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con với lý do: Cháu Đinh C2 đã đủ 18 tuổi và tự lập được.

- Tại Bản tự khai ngày 19-01-2024, bị đơn – anh Đinh Q thừa nhận: Việc anh và chị T kết hôn, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn, cũng như vấn đề con chung, đúng như nguyên đơn trình đã khai. Nay, do vợ chồng đã không còn tình cảm, nên anh đồng ý ly hôn.

Khi ly hôn, anh Qchấp nhận toàn bộ yêu cầu về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, như chị T đề nghị.

Về tài sản, công nợ: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, anh Qcó đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và quá trình chuẩn bị xét xử, chị Thơ T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn giữa chị với anh Đinh Q. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", là đúng quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con, nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là: Ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, anh Đinh Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Hồ sơ vụ án thể hiện anh Q và chị T tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có Giấy chứng nhận kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã Ia Hiao, huyện Ayun Pa, tỉnh Gia Lai cấp. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q được pháp luật công nhận.

[4.2] Theo trình bày của cả chị T và anh Chiến, sau khi kết hôn, vợ chồng anh - chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do có sự bất đồng trong quan điểm, khác nhau về cách sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng nên từ cuối năm 2009 đến nay anh Chiến, chị T đã sống ly thân. Trong thời gian qua, anh chị đã cố gắng tìm cách giải quyết những bất đồng, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không có kết quả. Các đương sự khẳng định, đến nay vợ chồng đã hết tình cảm, không thể quay lại tiếp tục chung sống với nhau.

[4.3] Việc anh Chiến, chị T xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2009 đến nay, cũng được các con của anh chị và Ủy ban nhân dân xã Hơ Moong xác nhận.

[4.4] Những nhận định ở trên đủ để khẳng định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Qđến nay đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và nguyện vọng của anh Chiến, cho anh, chị được ly hôn.

[4.5] Về con chung: Anh Q và chị T có 02 con chung tên: Đinh C1, sinh ngày 08-9-2002 và Đinh C2, sinh ngày 30-3-2006. Quá trình chuẩn bị xét xử, cả nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị giao cháu Đinh C2 cho anh Qtrực tiếp nuôi dưỡng; còn cháu Đinh C1 đã đủ 18 tuổi và tự lập được, nên không yêu cầu giải quyết. Đến tại phiên tòa, cháu Đinh C2 có đơn trình bày thể hiện, đến nay cháu đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên không còn nhu cầu nuôi dưỡng của cha mẹ đối với cháu. Chị T rút phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp nuôi con (đối với cháu Đinh C2) với lý do như cháu Đinh C2 trình bày. Xét việc rút phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã được rút.

[4.6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều: 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện (về việc nuôi con sau khi ly hôn) đã được nguyên đơn – chị Thơ T rút yêu cầu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Thơ T;

- Cho chị Thơ T và anh Đinh Q được ly hôn.

3. Về án phí: Chị Thơ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Thơ T đã nộp tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tiền số: 0001169, ngày 16-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy. Chị Thơ T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04-4-2024), nguyên đơn quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND CC tại Đà Nẵng;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- UBND x. Ia Hiao, h. Ayun Pa, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Trường Thọ